

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HNGĐ - ST.  
Ngày: 27- 8 - 2020.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Hồng Phượng.  
2. Ông Nguyễn Văn Phước.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **114/2020/TLST-HNGĐ** ngày **02 tháng 3 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **64/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 21 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **78/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Mỹ CH, sinh năm 1999.

Địa chỉ: 2070/2/10, tổ 5, ấp 1A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Â, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 26/4, tổ 2, ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị CH đề nghị xét xử vắng mặt, anh Â vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Â tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Â bỏ mặc gia đình và vợ con đói no không cần biết. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị về nhà cha mẹ ruột ở, còn anh Â ở nhà của bố mẹ anh từ tháng 10 năm 2019. Năm 2019, chị có nộp đơn xin ly hôn 01 lần và đã rút đơn để cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay

vẫn không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị không còn quan tâm đến anh A, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc, không còn yêu thương nhau, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Đỗ A D - sinh ngày 21/3/2015, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh A cấp dưỡng. Hiện nay chị có đủ điều kiện nuôi con, chị đi làm với mức lương 7.000.000 đồng/tháng, ở chung với cha mẹ ruột, có cha mẹ phụ trông nom cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn A*: Anh A đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện chị Đỗ Thị Mỹ CH và anh Nguyễn Công A là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 04/7/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2019 chị CH đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sau đó rút đơn tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên không hàn gắn được. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh A. Phía anh A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc cho thấy anh không còn quan tâm đến hôn nhân. Vì vậy, việc chị CH khởi kiện có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đỗ A D, sinh ngày 21/3/2015 hiện tại cháu đang được chị CH nuôi dưỡng, hiện tại chị cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Đề nghị: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị CH đối với anh A.

Con chung: Tiếp tục giao cháu D cho chị CH nuôi dưỡng, tạm thời không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh A.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị CH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh A đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh A vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị CH, anh A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CH và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2017, ngày 04/7/2017, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân. Năm 2019, chị CH có nộp đơn xin ly hôn 01 lần và đã rút đơn đề cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không hàn gắn đoàn tụ được, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2019. Xét việc anh A vắng mặt trong quá trình tố tụng thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị CH nữa. Như vậy, giữa chị CH và anh A không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị CH là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị CH và anh A.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đỗ A D, sinh ngày 21/3/2015, hiện cháu đang sống với chị CH. Chị CH yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt và đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu D, xét yêu cầu về con chung của chị CH là có căn cứ chấp nhận, giao cháu D cho chị CH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị CH khai không có, còn anh A không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị CH khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị CH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Mỹ CH về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Â, cho ly hôn giữa chị CH và anh Â.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Â D, sinh ngày 21/3/2015 cho chị CH tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Â không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Â được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị CH phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dA sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003122 ngày 24/2/2020 của CH cục Thi hành án dA sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị CH, anh Â được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- CH cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã P.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**